

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Kính gửi :

- Ủy Ban chứng khoán nhà nước,
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH
2. Mã chứng khoán : HRC
3. Địa chỉ trụ sở chính : Ấp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu
4. Điện thoại : 0254.3872104; Fax : 0254.3873495.

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN :

1. Họ và tên : Bành Mạnh Đức.
2. Địa chỉ : Ấp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu
3. Điện thoại di động: 0913.668652; Cơ quan : 0254.3873494.
4. Loại thông tin công bố: 24h.

III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 điều chỉnh, bổ sung.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/6/2021 tại đường dẫn <http://horuco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 22 tháng 6 năm 2021

**Người thực hiện công bố thông tin
TP. TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH**

Đính kèm:
Tài liệu Đại hội



Bành Mạnh Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH
Áp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Tel: (0254) 3872104 - Fax: (0254) 3873495
E-mail: horuco@horuco.com.vn - Website: <http://www.horuco.com.vn>

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Hoà Bình trân trọng kính mời Quý cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Thời gian: **08 giờ 00 ngày 24 tháng 6 năm 2021.**

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần cao su Hoà Bình (Áp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Nội dung Đại hội :

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Thông qua thù lao HĐQT-BKS năm 2020, kế hoạch chi trả thù lao năm 2021;
- Trình bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
- Miễn nhiệm và bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS;
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả cổ đông có tên trong danh sách ngày đăng ký cuối cùng 03/02/2021.

Toàn bộ tài liệu Đại hội được công bố đầy đủ trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.horuco.com.vn> hoặc cổ đông được nhận khi đến tham dự Đại hội.

Trân trọng kính mời./.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày **31** tháng 5 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Khắc Chung

Ghi chú:

- Đề nghị Quý cổ đông mang theo Thư mời kèm CMND/CCCD/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) theo mẫu kèm theo khi đi dự họp.
- Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự trước ngày 23/6/2021 tới Ban tổ chức Đại hội: Ông Bàn Mạnh Đức - Trưởng Phòng TCHC, Tel: 0254.3872104; ĐD: 0913. 668652; Fax : 0254.3873495.
- Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, việc tổ chức ĐHCĐTN năm 2021 của Công ty có thể thay đổi theo quy định cơ quan có thẩm quyền(trường hợp này, công ty sẽ có thông báo, mong sự thông cảm quý cổ đông).

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình (HORUCO)

Họ và tên cổ đông (hoặc tên cổ đông là pháp nhân):.....

Họ và tên người đại diện (cổ đông pháp nhân):.....

Chức vụ tại tổ chức:.....

Số CMND/hộ chiếu/GCNĐKDN: cấp ngày: tại:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Tổng số cổ phần sở hữu :

Tôi xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình được tổ chức ngày 24/6/2021 như sau:

1. Trực tiếp tham dự: (Vui lòng đánh dấu x vào ô)

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Số CMND: cấp ngày: tại:.....

3. Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên sau trong HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát HORUCO (vui lòng đánh dấu (x) vào thành viên mà Quý cổ đông ủy quyền):

<input type="checkbox"/>	Ông Trần Khắc Chung - Chủ tịch HĐQT
<input type="checkbox"/>	Bà Võ Thị Thuỷ - Tổng Giám đốc
<input type="checkbox"/>	Ông Trần Minh Đợi - Trưởng Ban KS

- Bên nhận ủy quyền đại diện cho bên ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu. Giấy ủy quyền này hết hiệu lực ngay sau khi Đại hội kết thúc.

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết thực hiện đúng quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình và quy định của Pháp luật hiện hành./.

....., ngày tháng năm 2021

Người được ủy quyền
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận tham dự/Ủy quyền
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Để thuận tiện cho công tác tổ chức, rất mong Quý cổ đông vui lòng xác nhận hoặc ủy quyền tham dự **trước ngày 23/6/2021** tới Ban tổ chức Đại hội: Ông Bàn Mạnh Đức - Trưởng Phòng TCHC, Tel: 02543. 872104; DD: 0913. 668652; Fax : 02543.873495, email: horuco@horuco.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Ngày 24/6/2021)

Thời gian	Nội dung
7:00	Thủ tục xác nhận danh sách cổ đông dự Đại hội
8:00	1. Nghi thức Đại hội
8:10	2. Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội
8:20	3. Giới thiệu Chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu
8:25	4. Thông qua chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội
8:35	5. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8:40	6. Khai mạc Đại hội
8:50	7. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020
9:00	8. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020
9:10	9. Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.
9:20	10. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
9:30	11. Thông qua các Tờ trình : - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình chi trả thù lao HĐQT - BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. - Tờ trình điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS công ty. - Tờ trình về việc miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022. - Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.
9:50	12. Thảo luận
10:05	13. Biểu quyết nội dung các báo cáo và các Tờ trình xin ý kiến Đại hội
10:20	14. Bầu cử TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 - Báo cáo danh sách đề cử bầu bổ sung TV HĐQT - Thông qua thể lệ bầu cử (tài liệu); tiến hành bầu cử
10:40	15. Phát biểu của Lãnh đạo cấp trên
11:00	16. Tiếp thu ý kiến
11:05	17. Công bố kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử
11:15	18. Thông qua Biên bản - NQ Đại hội (biểu quyết)
11:25	19. Bế mạc Đại hội.
11:30	20. Chào cờ bế mạc.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Điều 1: Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây viết tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Chủ tọa Đại hội:

- Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Thư ký Đại hội, Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa Đại hội gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu Đại hội

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- Tổ chức kiểm phiếu.
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông là các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm. Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng 03/02/2021) được quyền tham dự Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD, hộ chiếu, ...) và thư mời để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận thẻ biểu quyết có ghi tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

- Trong quá trình diễn ra Đại hội, nếu cổ đông ra ngoài hội trường phải báo cho Ban tổ chức biết.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Tiến hành đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông ngày đăng ký cuối cùng 03/02/2021 (theo **Khoản 1 - Điều 145-** Luật Doanh nghiệp và **Khoản 1- Điều 19 - Điều lệ Công ty**).

Điều 8. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành công

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất (theo **Khoản 2 - Điều 145-** Luật Doanh nghiệp và **Khoản 2- Điều 19 - Điều lệ Công ty**)

Cuộc họp của Đại hội lần hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự

hợp ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 9. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Chủ tọa Đại hội. Khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, khi được Chủ tọa Đại hội nhất trí mới được phát biểu; nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 10. Thể lệ biểu quyết

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ thẻ.

2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ ít nhất **51%** tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại **Khoản 1 Điều 148** Luật Doanh nghiệp phải đạt tỷ lệ ít nhất **65%** (loại cổ phần, thay đổi ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, dự án đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên, tổ chức lại hoặc giải thể công ty).

Điều 11. Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12: Điều khoản thi hành

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Hòa Bình năm 2021. Quy chế này gồm 12 điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty./.

Bà Rịa-Vũng Tàu , ngày tháng năm 2021

BAN TỔ CHỨC

**QUY ĐỊNH BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình;

Ban Tổ chức Đại hội phổ biến quy định biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

1. Xác định ý nghĩa :

Biểu quyết đồng ý và thông qua hoặc không đồng ý thông qua các báo cáo đã được trình bày trong Đại hội.

2. Quyền biểu quyết:

2.1. Quyền biểu quyết được thực hiện theo vốn cổ đông. Các cổ đông biểu quyết theo số cổ phần nắm giữ và được uỷ quyền.

2.2. Đối tượng có quyền tham gia biểu quyết là toàn thể cổ đông (hoặc người được cổ đông uỷ quyền hợp lệ) của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

2.3 Cổ đông có thể gửi Phiếu biểu quyết trực tiếp đến Ban Tổ chức Đại hội hoặc gửi qua bưu điện, qua fax hoặc mail về Công ty trước khi kết thúc Đại hội. Phiếu biểu quyết có thể tải từ website Công ty (Phiếu biểu quyết được gửi kèm thư mời).

3. Nguyên tắc biểu quyết:

Một cổ đông không được phép biểu quyết 02 (hai) lần trong cùng một nội dung cần biểu quyết.

4. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

Khi biểu quyết thông qua, cổ đông cầm thẻ cổ đông (được phát trước) giơ lên cao để Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ, sau đó đánh dấu x vào ô tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến; ký và ghi rõ tên; Ban kiểm phiếu sẽ thu lại thẻ biểu quyết để lưu hồ sơ.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

BAN TỔ CHỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH
HOA BINH RUBBER JOINT STOCK COMPANY**

Áp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tel: 0254.3872104 - Fax : 0254.3873495

E-mail: horuco@horuco.com.vn - Website: <http://www.horuco.com.vn>



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**



Ngày 24/6/2021



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CAO SU HOÀ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Ngày 24/6/2021)

Thời gian	Nội dung
7:00	Thủ tục xác nhận danh sách cổ đông dự Đại hội
8:00	1. Nghi thức Đại hội
8:10	2. Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội
8:20	3. Giới thiệu Chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu
8:25	4. Thông qua chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội
8:35	5. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8:40	6. Khai mạc Đại hội
8:50	7. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020
9:00	8. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020
9:10	9. Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.
9:20	10. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
9:30	11. Thông qua các Tờ trình : - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình chi trả thù lao HĐQT - BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. - Tờ trình điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS công ty. - Tờ trình về việc miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022. - Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.
9:50	12. Thảo luận
10:05	13. Biểu quyết nội dung các báo cáo và các Tờ trình xin ý kiến Đại hội
10:20	14. Bầu cử TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 - Báo cáo danh sách đề cử bầu bổ sung TV HĐQT - Thông qua thể lệ bầu cử (tài liệu); tiến hành bầu cử
10:40	15. Phát biểu của Lãnh đạo cấp trên
11:00	16. Tiếp thu ý kiến
11:05	17. Công bố kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử
11:15	18. Thông qua Biên bản - NQ Đại hội (biểu quyết)
11:25	19. Bế mạc Đại hội.
11:30	20. Chào cờ bế mạc.



QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Điều 1: Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây viết tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Chủ tọa Đại hội:
 - Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
 - Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Thư ký Đại hội, Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Thư ký:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
 - Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa Đại hội gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu Đại hội

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
 - Tổ chức kiểm phiếu.
 - Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.
 - Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông là các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm. Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng 03/02/2021) được quyền tham dự Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD, hộ chiếu, ...) và thư mời để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận thẻ biểu quyết có ghi tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

- Trong quá trình diễn ra Đại hội, nếu cổ đông ra ngoài hội trường phải báo cho Ban tổ chức biết.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Tiến hành đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông ngày đăng ký cuối cùng 03/02/2021 (theo Khoản 1 - Điều 145- Luật Doanh nghiệp và Khoản 1- Điều 19 - Điều lệ Công ty).

Điều 8. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành công

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất (theo Khoản 2 - Điều 145- Luật Doanh nghiệp và Khoản 2- Điều 19 - Điều lệ Công ty)

Cuộc họp của Đại hội lần hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự

hợp ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 9. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Chủ tọa Đại hội. Khi phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, khi được Chủ tọa Đại hội nhất trí mới được phát biểu; nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 10. Thể lệ biểu quyết

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ thẻ.

2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp phải đạt tỷ lệ ít nhất 65% (loại cổ phần, thay đổi ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, dự án đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên, tổ chức lại hoặc giải thể công ty).

Điều 11. Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12: Điều khoản thi hành

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Hòa Bình năm 2021. Quy chế này gồm 12 điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty./.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

BAN TỔ CHỨC





TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CAO SU HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình;

Ban Tổ chức Đại hội phổ biến quy định biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

1. Xác định ý nghĩa :

Biểu quyết đồng ý và thông qua hoặc không đồng ý thông qua các báo cáo đã được trình bày trong Đại hội.

2. Quyền biểu quyết:

2.1. Quyền biểu quyết được thực hiện theo vốn cổ đông. Các cổ đông biểu quyết theo số cổ phần nắm giữ và được uỷ quyền.

2.2. Đối tượng có quyền tham gia biểu quyết là toàn thể cổ đông (hoặc người được cổ đông uỷ quyền hợp lệ) của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

2.3 Cổ đông có thể gửi Phiếu biểu quyết trực tiếp đến Ban Tổ chức Đại hội hoặc gửi qua bưu điện, qua fax hoặc mail về Công ty trước khi kết thúc Đại hội. Phiếu biểu quyết có thể tải từ website Công ty (Phiếu biểu quyết được gửi kèm thư mời).

3. Nguyên tắc biểu quyết:

Một cổ đông không được phép biểu quyết 02 (hai) lần trong cùng một nội dung cần biểu quyết.

4. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

Khi biểu quyết thông qua, cổ đông cầm thẻ cổ đông (được phát trước) giơ lên cao để Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ, sau đó đánh dấu x vào ô tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến; ký và ghi rõ tên; Ban kiểm phiếu sẽ thu lại thẻ biểu quyết để lưu hồ sơ.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

BAN TỔ CHỨC

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CAO SU HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 437 /BC-HĐQTCSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020;
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021.

BÁO CÁO SƠ LƯỢC CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH**
- Mã chứng khoán : HRC
- Vốn Điều lệ : **302.066.220.000** đồng, tương ứng **30.206.622** CP.
- Diện tích cao su **4.655,28** ha (trong đó : cao su khai thác 2.405,68 ha, cao su KTCB 2.249,60 ha); diện tích keo lai độc canh : **106,87** ha.
- Tổng số lao động: **598** người, trong đó nhân viên quản lý **58** người;
- Cơ cấu tổ chức quản lý : HĐQT **5** người, Ban điều hành **3** người, **6** đội sản xuất, **1** nhà máy chế biến cao su và **6** phòng nghiệp vụ.
- Tổng số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 03/02/2021 để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là **681** cổ đông, trong đó:
 - + Cổ đông Nhà nước sở hữu **16.632.000** CP , tỷ lệ **55,06%**;
 - + Các tổ chức và cá nhân khác trong nước: **536** cổ đông, sở hữu **13.375.029** CP, tỷ lệ **44,28 %**;
 - + Các tổ chức và cá nhân nước ngoài: **144** cổ đông, sở hữu **199.593** CP, tỷ lệ **0,66%**.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 gồm các nội dung như sau:

1. Các quyết định quan trọng của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Ngoài hình thức họp trực tiếp, Hội đồng quản trị thường xuyên lấy ý kiến về các chủ trương, chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tổ chức cán bộ để luôn luôn đạt sự đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng quản trị trong chỉ đạo và điều hành. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức họp định kỳ mỗi quý **01** lần và tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản **12** lần.

Nội dung chủ yếu các Nghị quyết HĐQT Công ty ban hành để thực hiện như sau:

1.1 Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty :

- Quyết định các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hàng quý phù hợp điều kiện thực tế và tình hình tiêu thụ mù cao su.

- Quyết định khuyến khích sản xuất : Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết về việc khen thưởng để thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020 và tổ chức chăm lo đời sống công nhân lao động.

- Để triển khai thực hiện dự án Nông nghiệp Công nghệ cao, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết và Quyết định thành lập Chi nhánh Hòa Bình – Janbee. Việc thành lập Chi nhánh đã công bố thông tin theo quy định.

- Do khó khăn về tài chính, Hội đồng quản trị đã quyết định phê duyệt hạn mức vay vốn ngân hàng để chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản và vay vốn kinh doanh.

1.2 Quyết định về nhân sự quản lý, điều hành:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định về nhân sự người quản lý, điều hành công ty như sau :

- Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty (ông Võ Bảo) theo nguyện vọng cá nhân, đồng thời bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới (bà Võ Thị Thủy);

- Bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc Công ty (ông Vũ Quang Khải và ông Nguyễn Văn Quang);

- Bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty;

Công ty đã thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết và Quyết định nêu trên.

* Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý như sau :

- Miễn nhiệm Giám đốc Nhà máy chế biến cao su theo nguyện vọng cá nhân; đồng thời Phân công Phó Tổng giám đốc Công ty phụ trách Nhà máy trong thời gian làm thủ tục bổ nhiệm Giám đốc Nhà máy.

- Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Nhà máy;

- Điều động, bổ nhiệm 01 trưởng phòng (Phòng Thanh tra – Bảo vệ);

- Bổ nhiệm 02 Đội trưởng và 02 Đội phó sản xuất (Đội SX 2 và Đội SX 5)

1.3 Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã uỷ quyền Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán độc lập được sự chấp thuận của Nhà nước thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty. Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 của Công ty cổ phần Cao su Hoà Bình.

Hội đồng quản trị đã tiến hành xem xét và nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần cao su Hoà Bình; nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin đúng quy định.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty:

- Hội đồng quản trị công ty tổ chức họp định kỳ hàng quý, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý trước, thảo luận và thống nhất kế hoạch quý sau; qua đó đánh giá tình hình quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ chủ chốt công ty.

- Chủ tịch và các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng do Tổng Giám đốc công ty mời. Thông qua các cuộc họp giao ban vừa nắm bắt tình hình hoạt động, vừa kịp thời, chủ động đề xuất, chỉ đạo và cùng ban điều hành giải quyết các vướng mắc nhằm bảo đảm thống nhất chủ trương, chỉ đạo của lãnh đạo công ty trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo quy định;

- Khảo sát tình hình khai thác sản lượng, chế biến cao su và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản để chỉ đạo kịp thời công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc.

- Theo dõi, chỉ đạo mua bán cao su phù hợp tình hình giá cả thị trường cao su trong nước và thế giới.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã xây dựng và thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; dù tình hình dịch bệnh, thiên tai gây không ít khó khăn nhưng Tổng giám đốc và Ban điều hành đã áp dụng nhiều biện pháp tích cực, thường xuyên tổ chức đối thoại với người lao động, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động, biết lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động; từ đó có những chính sách điều hành phù hợp, đạt hiệu quả góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020;

- Ban điều hành triển khai thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT, điều hành hoạt động đúng phân cấp, phân quyền theo Điều lệ và quy chế nội bộ quản trị của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định, quy chế nội bộ hiện hành. Trong năm 2020, Ban điều hành duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng. Nội dung cuộc họp tập trung vào kiểm điểm kết quả thực hiện và đề ra kế hoạch phương hướng của tháng tiếp theo, giải quyết vướng mắc khó khăn cho từng đơn vị trực thuộc, xử lý và đề ra các biện pháp giải quyết kịp thời.

- Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo HĐQT và các cơ quan chức năng nhà nước về tình hình hoạt động của Công ty; thực hiện đầy đủ và phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các Thành viên Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các Tiểu Ban nhưng có phân công trách nhiệm các thành viên phụ trách từng lĩnh vực.

- Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách các lĩnh vực thể hiện được trách nhiệm thông qua công tác giám sát, khảo sát, nắm bắt thông tin, chế độ báo cáo,...

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động theo sự phân công trong Hội đồng quản trị, Giám sát tình hình nhân sự, tiền lương, thưởng, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, theo dõi thị trường chứng khoán và giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Kinh thưa đại hội, như chúng ta đã biết, năm 2021 theo dự báo tiếp tục là một năm khó khăn, nhất là đối với hoạt động khai thác mủ cao su, lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất do giá bán cao su đã có tín hiệu khởi sắc nhưng vẫn ở mức thấp; việc phát triển khu, cụm công nghiệp thực sự có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phù hợp với công tác quy hoạch sử dụng đất của UBND Tỉnh...; cuộc chiến thương mại giữa các nước lớn vẫn tiếp tục kéo dài, biến đổi khí hậu theo chiều hướng tiêu cực; tình hình dịch bệnh covid – 19 vẫn còn kéo dài và tiềm ẩn nhiều nguy cơ ... sẽ tiếp tục tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình trạng thiếu lao động, thời tiết diễn biến bất thường, bệnh hại vườn cây khai thác, ... là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến sản lượng khai thác, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để đạt được mục tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Ngoài các nội dung đạt được trong năm 2020 Hội đồng quản trị công ty định hướng kế hoạch hoạt động năm 2021 cần phải tập trung vào các nội dung như sau:

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2020; bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Chủ động, quyết liệt chỉ đạo BDH triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD, thực hiện chính sách tiết giảm trong đầu tư sản xuất, chi đầu tư những hạng mục thật sự cấp thiết, nguồn vốn cân đối được tập trung trả nợ vay ngân hàng để giảm áp lực tài chính trong ngắn hạn và dài hạn.

1.2. Tiếp tục tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển các ngành nghề phù hợp điều kiện của Công ty; tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác

triển khai các dự án phù hợp ; lưu ý đến các đối tác có tiềm năng, thương hiệu tốt, từng bước tiếp cận về kỹ thuật, thị trường để dần tiến đến tự thực hiện đầu tư và kinh doanh.

1.3. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai đã được thuê; triển khai chặt chẽ thủ tục các dự án đầu tư, thực hiện tốt công tác trồng tái canh năm 2021; thực hiện trồng xen trên hàng và trên vùng cao su ở nơi có điều kiện để góp phần tăng thu nhập nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

1.4. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cùng cố, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập, Bố trí nhân sự chuyên môn đúng người, đúng việc;

1.5. Tiếp tục đề xuất Tập đoàn chấp thuận chủ trương thoái vốn các doanh nghiệp mà Công ty đã đầu tư, nhằm thu hồi vốn để tập trung vào sản xuất kinh doanh ngành nghề chính, trả bớt nợ dài hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo nguồn vốn lưu động để triển khai các dự án Khu, cụm công nghiệp và giải quyết các tồn đọng về tài chính.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Căn cứ năng lực vườn cây và định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Hội đồng quản trị công ty xây dựng kế hoạch năm 2021 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau :

- Sản lượng khai thác:	2.500 tấn
- Sản lượng chế biến :	5.100 tấn
- Sản lượng thu mua :	1.500 tấn
- Sản lượng cao su tiêu thụ:	4.000 tấn
- Tổng doanh thu:	174.792 triệu đồng
<i>(Trong đó doanh thu cao su: 152. 884 triệu đồng)</i>	
- Lợi nhuận trước thuế:	1.000 triệu đồng
- Thu nhập bình quân (người/tháng):	6,594 triệu đồng

3. Một số giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty, HĐQT sẽ ban hành các Nghị quyết chỉ đạo Ban điều hành tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế của những năm trước và đề ra những biện pháp phù hợp với tình hình mới, cụ thể như sau:

3.1. Công tác quản lý kế hoạch, kinh doanh

- Tập trung mọi nguồn lực để triển khai các giải pháp nâng cao sản lượng, doanh thu và hiệu quả kinh doanh. Nâng cao trách nhiệm trong quản lý, điều hành sản xuất và cương quyết trong công tác chỉ đạo sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.

- Quản trị tốt chất lượng sản phẩm, củng cố, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Công ty và tìm kiếm đối tác để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong năm 2021 và những năm tới.

- Chủ động và thường xuyên quan tâm đến công tác kỹ thuật, tăng cường ứng dụng công nghệ mới để đáp ứng mục tiêu gia tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác có tiềm năng để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực Hạ tầng khu công nghiệp, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được địa phương thông qua;

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức sản xuất trong trạng thái dịch bệnh Covid – 19 vẫn còn diễn biến phức tạp.

3.2. Công tác tài chính

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để đáp ứng tốt nhất cho SXKD, đảm bảo kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- Tích cực phối hợp công tác giữa các bộ phận trong Công ty, xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị ngay từ bước lập kế hoạch ở đầu năm để hạ giá thành, bảo đảm hiệu quả trong điều kiện giá cao su ở mức thấp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Chủ động quản trị rủi ro trong công tác tài chính, giảm dần các khoản nợ khó đòi, chú trọng đến công tác quản lý hàng tồn kho, liên tục phân tích đánh giá chất lượng hàng tồn kho, chủ động tham mưu xử lý hàng mất phẩm chất, kịp thời thu hồi vốn phục vụ SXKD.

- Tích cực nghiên cứu các cơ chế chính sách nhà nước, Tập đoàn để thực hiện công tác thoái vốn phù hợp và sớm nhất; đồng thời nhanh chóng thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn vay dài hạn nhằm giảm lãi suất ở mức thấp nhất.

3.3. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để tinh giảm lao động, xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả từ các phòng tham mưu đến các phân xưởng sản xuất. Tiếp tục rà soát và xây dựng định biên lao động theo vị trí việc làm, sắp xếp lao động hợp lý theo hướng: giảm lao động bổ trợ, lao động gián tiếp, tăng năng suất lao động.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Chú trọng công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ, tay nghề người lao động, tạo môi trường làm việc tốt, ổn định việc làm và gia tăng thu nhập cho người lao động, tạo chính sách thu hút lao động trực tiếp có trình độ tay nghề cao gắn bó với Công ty hơn.

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi hoàn thiện để ban hành hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty (đặc biệt là định mức nguyên vật liệu, nhân công, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất).

- Áp dụng tốt phần mềm trong quản trị của Công ty đảm bảo khoa học, hiệu quả, kịp thời phục vụ tốt cho SXKD.

- Đăng ký làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Cao su và các cơ quan quản lý Nhà nước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty như: thoái vốn các dự án đã đầu tư bên ngoài công ty để trả nợ ngân hàng và đầu tư các dự án trong Công ty; việc tính tiền thuê đất; ...

- Tích cực liên hệ với các Sở, ngành và UBND tỉnh để được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để thực hiện các dự án đầu tư sau này.

Thưa Quý cổ đông, để đạt được kết quả năm 2020 trong điều kiện khó khăn như đã nêu trên thực sự là nỗ lực rất lớn, cộng đồng trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn bộ tập thể người lao động trong toàn Công ty. Phát huy truyền thống đó, năm 2021 Hội đồng quản trị sẽ nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, chúng tôi tin tưởng rằng với sự chung sức đồng lòng của tập thể người lao động; Công ty cổ phần cao su Hòa Bình sẽ vượt khó, có được nhiều thắng lợi và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS công ty;
- Lưu : VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Khắc Chung



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2004 đã sửa đổi, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2019;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần cao su Hòa Bình Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động, tài chính của Công ty; kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty; đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trong năm 2020 như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát duy trì tốt các hoạt động và chế độ sinh hoạt theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, giám sát các hoạt động chính của Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động đúng định hướng, đúng pháp luật và mang lại hiệu quả cao.

Ban kiểm soát cử thành viên tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị về đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý; tham gia ý kiến, đưa ra kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

- Định kỳ Ban kiểm soát họp một quý một lần đánh giá nhất trí cao báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát trong quý, thảo luận và thông qua chương trình làm việc của quý sau theo kế hoạch đã được đề ra từ đầu năm.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện Quy chế quản lý tài chính về quản lý công nợ, quản lý tài sản.

- Thẩm tra Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm 2020.

- Cử thành viên tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị về đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý;

- Trình thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 tại phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều triệu tập các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và có tham dự của Ban kiểm soát, Trưởng các phòng chức năng Công ty. Những cuộc họp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế và phù hợp với Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị tổ chức, duy trì đều đặn các buổi họp thường kỳ bằng hình thức tập trung, chủ yếu bàn về việc thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý và năm, chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thống nhất để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền trên cơ sở tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, bám sát các mục tiêu, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cụ thể, sự thống nhất cao của từng thành viên Hội đồng quản trị, ra Nghị quyết và Quyết định phù hợp với từng thời điểm của tình hình thực tế, tuân thủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

- Ban Tổng giám đốc duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng, thành phần tham dự gồm Ban Tổng giám đốc, Trưởng phó các phòng ban chức năng, Ban điều hành 6 Đội sản xuất, Giám đốc Nhà máy chế biến và đại diện Công đoàn, Đoàn thanh niên, đồng thời mời Ban kiểm soát tham dự. Nội dung cuộc họp tập trung vào báo cáo kết quả thực hiện trong tháng trước và đề ra nhiệm vụ, kế hoạch của tháng tiếp theo, giải quyết tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho từng đơn vị trực thuộc, xử lý kịp thời và đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp;

- Ban Tổng giám đốc căn cứ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời, ứng xử linh hoạt để đạt kết quả cao nhất, áp dụng nhiều biện pháp tích cực, định kỳ tổ chức đối thoại với người lao động, tuyên truyền giải thích tình hình sản xuất kinh doanh trong điều kiện khó khăn hiện nay để người lao động cùng chia sẻ.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Ban Kiểm soát thống nhất với các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty. Mặc dù năm 2020, thị trường cao su thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng tồn kho nhiều, nhu cầu tiêu thụ cao su chậm và không đều. Bên cạnh đó, năng lực vườn cây cao su của Công ty yếu do đất đai, thổ nhưỡng và khí hậu không thuận lợi nên năng suất vườn cây thấp; tình hình nắng nóng khô hạn những tháng đầu năm kéo dài, thời gian khai thác trong năm chỉ được 8 tháng; tình hình công nhân lao động nghỉ việc nhiều nên Công ty thiếu lao động, gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí, sắp xếp công nhân để cạo hết diện tích vườn cây khai thác đã ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch sản lượng của Công ty. Nhưng tập thể cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty đã đoàn kết, thống

nhất ý chí, ra sức thi đua lao động sản xuất, khắc phục khó khăn, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và giải quyết đầy đủ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách đối với người lao động, cụ thể:

- **Kết quả sản xuất năm 2020:**

- **Khai thác:** Sản lượng thực hiện: 2.680,854 tấn, đạt 101,16% kế hoạch.
- **Chế biến:** Sản lượng thực hiện: 5.123,767 tấn, đạt 85,40% kế hoạch.

- **Kết quả kinh doanh năm 2020:**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.718.692.588	161.494.005.452
2. Giá vốn hàng bán	178.998.000.441	153.924.131.163
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.515.996.851	7.569.874.289
4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.869.665.418	14.808.835.885
5. Chi phí tài chính	17.265.107.672	14.450.694.347
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>16.769.243.531</i>	<i>14.403.751.203</i>
6. Chi phí bán hàng	3.825.830.403	4.349.407.802
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.301.303.229	9.707.672.713
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.993.420.965	(6.129.064.688)
9. Thu nhập khác	8.413.712.054	27.806.740.886
10. Chi phí khác	1.284.353.723	13.835.563.813
11. Lợi nhuận khác	7.129.358.331	13.971.177.073
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.122.779.296	7.842.112.385
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.152.647.629	113.092.037
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.970.131.667	7.729.020.348
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	297	256

- **Kết quả tiền lương và thu nhập của người lao động năm 2020:**

- Thu nhập bình quân chung toàn Công ty năm 2020 là **8,54** triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương bình quân **7,52** triệu đồng/người/tháng. So với năm 2019, thu nhập bình quân tăng **1,25** triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương bình quân tăng **0,89** triệu đồng/người/tháng.

- Ngoài tiền lương, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thưởng cho công nhân vượt sản lượng hàng tháng; thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong khai thác, bảo vệ sản phẩm và thường xuyên quan tâm tổ chức chăm lo đời sống công nhân lao động.

4. Kết quả thẩm định tài chính:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định hiện hành và các quy định pháp lý liên quan. Các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

- Công tác quản trị tài chính luôn được theo dõi, thực hiện đúng nguyên tắc, quy định hiện hành của Nhà nước như: xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty quản lý tiền vốn, tài sản, giấy tờ có giá trị, thực hiện chế độ tài chính theo quy định của nhà nước. Cấp phát vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất, chi trả cho khách hàng cũng như chi trả các chế độ cho người lao động luôn kịp thời, quản lý kho hàng, kho quỹ theo đúng quy định, từ đó không có tình trạng thiếu hụt hay mất mát. Cuối kỳ có đối chiếu công nợ, hướng dẫn và tổ chức kiểm kê tài sản.

- Rà soát các khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập, cùng với kết quả kiểm tra thẩm định, Ban Kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu.

• **Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính năm 2020 của Công ty** (trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	28,72	28,15
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	71,28	71,85
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	49,47	49,38
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	50,53	50,62
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,84	0,87
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,78	0,85

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

- Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng chức năng Công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, giúp Ban kiểm soát hoạt động ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.

- Năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Ban kiểm soát tự kiểm điểm đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty. Có được kết quả, ngoài sự nỗ lực của từng thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Phòng chức năng quản lý của Công ty.

6. Tổng kết các kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm 2020:

• Kết luận:

- Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc;

- Ban Kiểm soát thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 và 6 tháng năm 2020 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý I năm 2020, Báo cáo tài chính quý III năm 2020 phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán.

• Kiến nghị:

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý chi phí, xác định mức độ hoàn thành của từng tiêu chí sử dụng, thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý công cụ, dụng cụ là thiết bị văn phòng phổ biến và quản lý quản lý chi phí vật tư nguyên liệu tại Nhà máy chế biến.

- Rà soát lại toàn bộ các khoản vay đến hạn và sắp đến hạn trả trong tương lai gần để xây dựng kế hoạch trả nợ, tránh việc bị động trong nguồn vốn cho việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hoặc có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản và mất khả năng thanh toán của Công ty.

- Tiếp tục đề xuất Tập đoàn chấp thuận chủ trương thoái vốn các doanh nghiệp mà Công ty đã đầu tư (Công ty cổ phần Cao su Việt – Lào; Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa – KomPongThom; Công ty cổ phần Cao su Lai Châu...), nhằm thu hồi vốn để tập trung vào sản xuất kinh doanh ngành nghề chính, trả bớt nợ dài hạn để giảm chi phí tài chính, đồng thời đảm bảo vốn lưu động để chủ động trong sản xuất kinh doanh.

- Đối với các dự án Công ty hợp tác kinh doanh với bên ngoài như: Dự án trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với Công ty CP JANBEE; Dự án đầu tư Hạ tầng công nghiệp, khu dân cư thương mại với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP Becammex (IDC):

+ Quá trình thực hiện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ quy định về pháp luật đất đai theo Luật đất đai năm 2013.

+ Tuân thủ thực hiện sự chỉ đạo theo quy chế người đại diện vốn do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành.

+ Quá trình thực hiện tuân thủ các nội dung Hợp đồng đã ký kết, đảm bảo các quy định, hồ sơ và trình tự thủ tục theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Tiếp tục tìm kiếm đối tác có tiềm năng để hợp tác trong lĩnh vực Hạ tầng khu công nghiệp, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho đơn vị.

+ Quản lý và sử dụng đất được Nhà nước giao đúng quy định, đúng quy hoạch.

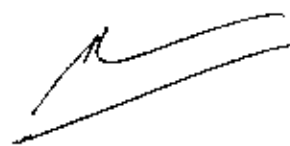
Trên đây là kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả giám sát hoạt động và tài chính của Công ty và đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trong năm 2020.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Tập đoàn;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Minh Đợi

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Phần thứ nhất
BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

Năm 2020 thị trường cao su thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng tồn kho nhiều, nhu cầu tiêu thụ cao su chậm và không đồng đều; mặc dù trong 3 tháng cuối năm giá mủ cao su có tăng lên nhưng tính bình quân chung cả năm vẫn còn thấp.

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới và hiện nay đang diễn biến phức tạp. Nền kinh tế thế giới bị suy thoái đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội toàn cầu; ngành cao su cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ mủ cao su.

Bên cạnh những khó khăn chung nêu trên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2020 Công ty gặp những thuận lợi và khó khăn như sau :

1. Những thuận lợi cơ bản :

- Trong quá trình tổ chức hoạt động, Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ tích cực của Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban chuyên môn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Cán bộ, công nhân lao động trong công ty luôn phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ đã đề ra trong năm qua.

2. Những khó khăn chủ yếu:

- Năng lực vườn cây cao su của Công ty yếu do đất đai, thổ nhưỡng và khí hậu không thuận lợi, năng suất vườn cây thấp.

- Tình hình nắng nóng khô hạn những tháng đầu năm kéo dài, thời gian khai thác trong năm chỉ được 8 tháng đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng của công ty.

- Nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm nên chi phí phân bón, trang cấp vật tư cho vườn cây hạn chế làm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng khai thác.

- Do có sự cạnh tranh lao động của các ngành nghề tại Khu du lịch, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho nên số công nhân nghỉ việc tăng dần trong mùa cạo, trong khi đó nguồn lao



động để tuyển dụng ở địa phương ngày càng giảm nên Công ty thiếu lao động, gặp nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí công nhân để cạo hết diện tích vườn cây khai thác.

Ban lãnh đạo công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tích cực, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời. Cán bộ, công nhân lao động trong công ty luôn phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ đã đề ra trong năm qua.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2020 :

1. Về sản xuất :

a. Khai thác :

Diện tích vườn cây khai thác : **2.414,86** ha; trong đó diện tích vườn cây mở cạo mới **259,86** ha.

Sản lượng thực hiện : **2.680,854** tấn/KH **2.650** tấn, đạt **101,16%** kế hoạch.

Năng suất bình quân : **1,11** tấn/ha

b. Chế biến :

Trong năm, Công ty chế biến được **5.123,767** tấn (trong đó chế biến mù Công ty **2.173,322** tấn, mù thu mua **1.701,916** tấn và gia công **1.248,529** tấn), đạt **85,40** kế hoạch năm; giảm **1.181,961** tấn so với cùng kỳ năm trước (trong đó chế biến mù Công ty tăng **205,307** tấn, mù thu mua giảm **891,044** tấn và gia công giảm **496,224** tấn).

Sản lượng chế biến không đạt kế hoạch chủ yếu do sản lượng gia công giảm nhiều và thu mua bị cạnh tranh mạnh do những đơn vị lớn có chính sách thu mua riêng.

c. Chăm sóc vườn cây KTCB:

Tổng diện tích vườn cây KTCB : **2.249,60** ha ha; trong đó diện tích chăm sóc bình thường **1.390,33** ha; diện tích chăm sóc kéo dài **604,42** ha, diện tích khoanh vùng ngưng đầu tư **254,85** ha (đất hạng III và IVb cây phát triển kém).

d. Chăm sóc vườn cây lâm nghiệp (keo lai, dó bầu):

- Diện tích trồng keo lai độc canh : **106,87** ha;

- Diện tích trồng xen keo lai trong cao su: **172,71** ha (trồng chu kỳ 2)

Vườn cây keo lai phát triển tương đối tốt.

- Trồng xen cây dó bầu:

Công ty liên kết đầu tư trồng xen cây dó bầu với diện tích: **275,97** ha

2. Kết quả kinh doanh năm 2020:

- **Thu mua** : **1.883,127** tấn, trong đó mua thành phẩm **181,440** tấn; đạt **125,54%** kế hoạch năm (KH thu mua **1.500** tấn).

Công ty luôn linh hoạt giá thu mua, đảm bảo không lỗ để tăng công suất chế biến của Nhà máy, tăng thu nhập cho người lao động, giảm chi phí.

-Tiêu thụ sản phẩm:	5.252,446 tấn
Xuất khẩu :	745,920 tấn
Nội tiêu:	4.506,526 tấn
- Tổng doanh thu	: 223,797 tỷ đồng;

Trong đó :

+ Doanh thu cao su	: 184,456 tỷ đồng, đạt 141,10% kế hoạch
<i>(Giá bán bình quân 35,118 triệu đồng/tấn, cao hơn năm trước 2,983 triệu đồng/tấn).</i>	
+ Gia công cao su	: 4,057 tỷ đồng, đạt 55,48% kế hoạch
+ Doanh thu tài chính	: 26,869 tỷ đồng, đạt 171,58% kế hoạch
+ Doanh thu khác	: 8,414 tỷ đồng, đạt 63,98% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế	: 10,123 tỷ đồng, đạt 168,72% kế hoạch
<i>(Cao hơn năm trước 2,281 tỷ đồng)</i>	
- Lợi nhuận sau thuế	: 8,970 tỷ đồng, đạt 157,20% kế hoạch
<i>(Cao hơn năm trước 1,241 tỷ đồng)</i>	
* Nộp ngân sách	: 14,038 tỷ đồng, đạt 163,31% kế hoạch.

III. ĐẦU TƯ XDCB:

Đầu tư XDCB trong doanh nghiệp: 16,778 tỷ đồng, đạt 54,38% KH;

Trong đó :

- Xây lắp	: 5,348 tỷ đồng, đạt 28,01% kế hoạch
- Thiết bị	: 0,700 tỷ đồng, đạt 48,61% kế hoạch
- Trả lãi vay tín dụng	: 10,730 tỷ đồng, đạt 104,22% kế hoạch

IV. TÌNH HÌNH THỰC DIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Dự án hợp tác kinh doanh NN ứng dụng CNC Hòa Bình - Janbee.

Được sự chấp thuận của Tập đoàn, Công ty đã thành lập Chi nhánh trực thuộc để thực hiện dự án hợp tác, liên kết phát triển dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty. Công ty đã lập hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

2. Dự án trồng chuyên cây dó bầu cấy tạo trầm hương

Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương thanh lý cao su để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh chuyên cây dó bầu cấy tạo trầm hương.

3500
CỘNG
HÒA
HỌC

Công ty đã lập Phương án thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Phương án đã được các Sở thông qua, hiện nay đang trình UBND Tỉnh phê duyệt.

3. Dự án Cụm Công nghiệp Phước Tân

Tập đoàn đã có ý kiến chấp thuận để Công ty làm chủ đầu tư Cụm công nghiệp với diện tích 50 ha, địa điểm : xã Phước Tân, nguồn gốc đất : lô cao su 64, 65, 74 và lô 75 Đội SX 3. Công ty đang liên hệ với các đối tác để chọn đơn vị liên kết đầu tư Cụm Công nghiệp và lập hồ sơ trình các cấp phê duyệt.

4. Dự án hợp tác đầu tư kinh doanh Khu công nghiệp - Dịch vụ - Tái định cư:

Công ty đã làm việc với các ban ngành và UBND huyện Xuyên Mộc về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có quy hoạch Khu Công nghiệp - Dịch vụ - Tái định cư để đưa vào Quy hoạch chung của huyện, đang trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương.

V. CHĂM LO ĐỜI SỐNG CNLĐ

- Lao động bình quân trong năm: **605 người**

- Thu nhập bình quân chung toàn công ty năm 2020 là **8,54** triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương bình quân **7,52** triệu đồng/người/tháng.

So với năm 2019, thu nhập bình quân tăng **1,25** triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương bình quân tăng **0,89** triệu đồng/người/tháng.

Ngoài ra, Công ty còn chi các khoản như : chi phí bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại và các loại bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).

Ngoài tiền lương, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thưởng cho công nhân vượt sản lượng hàng tháng, thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong khai thác, bảo vệ sản phẩm và tổ chức chăm lo đời sống công nhân lao động.

VI. CÔNG TÁC THANH TRA - BẢO VỆ - QUÂN SỰ :

Năm 2020, Công ty tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng của lực lượng bảo vệ, công tác bảo vệ đã được thực hiện khá tốt. Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp như tăng cường công tác quản lý, tăng cường trách nhiệm lực lượng bảo vệ, có chế độ trả lương, thưởng phù hợp đối với lực lượng bảo vệ nhằm động viên khuyến khích hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, Công ty đã ký kết Quy chế phối hợp với Công an huyện và Công an các xã để bảo vệ tốt tài sản, ngăn chặn tiêu cực, đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Công ty phối hợp với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh BR-VT, Ban chỉ huy Quân sự huyện Xuyên Mộc và Lữ đoàn 434 thuộc Quân đoàn 4 tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện tốt Quy chế phối hợp đã ký kết.

VII. CÔNG TÁC KHÁC :

- Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt các đợt vận động đóng góp vào các quỹ như: quỹ Vì người nghèo của tỉnh BR-VT, quỹ xây nhà đèn ơn đáp nghĩa tỉnh BR-VT, ủng hộ quỹ Tết vì người nghèo, ủng hộ địa phương tổ chức các hoạt động, ... Tổng số tiền vận động đóng góp ủng hộ là **406** triệu đồng.

- Tổ chức Hội thi “Bàn tay vàng khai thác mủ cao su” tại Công ty và tham gia Hội thi “Bàn tay vàng khai thác mủ cao su” năm 2020 do Tập đoàn tổ chức. Kết quả : đạt giải Khuyến khích đồng đội, 01 giải ba cá nhân, có 04 công nhân được Tập đoàn công nhận kiện tướng và 01 công nhân được công nhận Bàn tay vàng.

- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ, quy chế đối thoại tại nơi làm việc. Trong quý I, tổ chức Hội nghị Người lao động các cấp; hàng quý tổ chức đối thoại định kỳ theo quy chế, Ban điều hành và tổ chức công đoàn thường xuyên gặp gỡ, trực tiếp đối thoại với người lao động ở các đơn vị.

- Thực hiện tốt các quy định về công bố thông tin đối với doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch SXKD nhưng Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Việc đầu tư xây dựng cơ bản đã phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Công ty ưu tiên đầu tư cho các hạng mục thực sự cần thiết, quan tâm đến vườn cây, cơ giới hoá nông nghiệp, hệ thống xử lý nước thải Nhà máy, đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo đảm vệ sinh môi trường.

Công ty đã tăng cường công tác quản lý, đồng thời phối hợp các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động công nhân thực hiện tốt nội quy lao động, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực trong các phong trào thi đua; phối hợp tích cực với chính quyền địa phương đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Phần thứ hai

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021

Căn cứ năng lực vườn cây và định hướng của Tập đoàn, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau :

1. Chỉ tiêu khối lượng :

1.1 Diện tích

- Diện tích cao su:	4.960,79 ha
+ Diện tích cao su KTCB :	2.179,36 ha
+ Diện tích cao su khai thác:	2.507,18 ha
+ Diện tích tái canh:	274,26 ha
- Diện tích chuyển đổi cây trồng khác:	106,87 ha
1.2 Năng suất :	1,0 tấn/ha

1.3 Sản lượng cao su:	4.000 tấn
- Cao su tự khai thác:	2.500 tấn
- Cao su thu mua:	1.500 tấn
1.4 Chế biến:	5.100 tấn
- Chế biến cao su tự khai thác	2.100 tấn
- Chế biến cao su thu mua	1.500 tấn
- Gia công	1.500 tấn
1.5 Tiêu thụ:	4.000 tấn
- Xuất khẩu :	500 tấn
- Nội tiêu :	3.500 tấn
2. Chỉ tiêu giá trị :	
2.1 Tổng doanh thu:	174.792 triệu đồng
- Sản xuất kinh doanh cao su:	148.000 triệu đồng
+ Doanh thu cao su tự khai thác:	92.500 triệu đồng
+ Doanh thu cao su thu mua:	55.500 triệu đồng
- Sản xuất kinh doanh khác (gia công, ...):	4.884 triệu đồng
- Hoạt động tài chính:	20.382 triệu đồng
- Hoạt động khác :	1.526 triệu đồng
2.2 Lợi nhuận trước thuế:	1.000 triệu đồng
2.3 Lợi nhuận sau thuế:	1.000 triệu đồng
2.4 Nộp ngân sách :	11.143 triệu đồng
3. Chỉ tiêu đầu tư:	
3.1 Tổng nhu cầu vốn :	75.195 triệu đồng
- Vốn đầu tư XD CB:	35.951 triệu đồng
+ Xây lắp:	11.086 triệu đồng
<i>Trong đó: xây lắp nông nghiệp :</i>	10.946 triệu đồng
+ Thiết bị:	2.365 triệu đồng
+ KTCB khác:	14.000 triệu đồng
+ Trả lãi vay XD CB:	8.500 triệu đồng
- Trả nợ gốc vay dài hạn ngân hàng :	39.244 triệu đồng
3.2 Nguồn vốn:	75.195 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	49.961 triệu đồng

- Vốn vay :

25.234 triệu đồng

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021:

Để hoàn thành kế hoạch năm 2021, Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, Tăng cường quản lý, tổ chức SX và tiếp tục thực hiện giải pháp linh hoạt trên vườn cây khai thác và vườn cây KTCB nhằm thích nghi và ứng phó với các khó khăn trong sản xuất, có giải pháp phù hợp để giải quyết tình trạng thiếu lao động vườn cây.

Thứ hai, Quản lý chặt chẽ và sử dụng đất đai đang quản lý có hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng đất bằng việc trình các cấp có thẩm quyền chấp thuận cho thực hiện các dự án chuyển đổi từ đất trồng cây cao su qua cây trồng khác.

Thứ ba, Tăng cường các giải pháp linh hoạt về công tác thu mua để tăng doanh thu, kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm trên tinh thần đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo quy định và phù hợp với nhu cầu của khách hàng, thường xuyên bám sát thông tin thị trường, theo dõi giá bán của Tập đoàn để đảm bảo có giá bán cao nhất.

Thứ tư, Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty ngay từ đầu năm để hạ giá thành, nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

Thứ năm, Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong công việc được giao.

Thứ sáu, Tăng cường mối quan hệ với Cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương; thực hiện tốt quy chế phối hợp với địa phương nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thứ bảy, Thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch theo Quy chế dân chủ và thực hiện tốt các quy định về công bố thông tin.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

Kính báo cáo lãnh đạo các cấp và toàn thể cổ đông Công ty./.

Nơi nhận :

- HĐQT công ty;
- Cổ đông công ty;
- Lưu : VT, TCHC

bc



Võ Thị Thủy

Số : 439/BC-CSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

I. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính năm 2020:

- Năm 2020 thị trường cao su tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng tồn kho nhiều, nhu cầu tiêu thụ cao su của thế giới chậm, giá cao su vẫn đang ở mức thấp làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới và hiện nay vẫn còn diễn biến phức tạp. Nền kinh tế thế giới bị suy thoái, ngành cao su cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ mù cao su.

- Tình hình nắng nóng, khô hạn đầu năm 2020 kéo dài, Công ty ra quân muộn làm ảnh hưởng đến công tác khai thác mù cao su. Bên cạnh đó, tình hình lao động trên địa bàn có xu hướng chuyển dịch sang khu vực công nghiệp, dịch vụ nên công nhân nghỉ việc nhiều, thiếu lao động, Công ty gặp khó khăn trong việc bố trí lao động để cạo mù hết diện tích vườn cây khai thác.

- Tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư dự án trong doanh nghiệp còn chậm, không kịp theo kế hoạch đề ra.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Sản lượng cao su khai thác 2.680,854 tấn, đạt 101,16% kế hoạch.

- Sản lượng cao su thu mua 1.883,127 tấn, đạt 125,54% so với kế hoạch.

- Sản lượng cao su tiêu thụ 5.252,446 tấn, đạt 126,56% so với kế hoạch.

* Tổng doanh thu 223.797 triệu đồng, đạt 134,42% kế hoạch (trong đó: doanh thu cao su 184.456 triệu đồng, đạt 141,10% KH). Tổng doanh thu cao hơn năm trước 13.681 triệu đồng, tương ứng tăng 6,51%.

* Lợi nhuận trước thuế 10.123 triệu đồng, đạt 168,72% kế hoạch năm, cao hơn năm trước 2.281 triệu đồng, tương ứng tăng 29%.

* Lợi nhuận sau thuế 8.970 triệu đồng, đạt 157,20% kế hoạch năm, cao hơn năm trước 1.241 triệu đồng, tương ứng tăng 16%.

III. Đầu tư Xây dựng cơ bản và đầu tư tài chính :

1. Đầu tư XDCB : 16.778 triệu đồng, đạt 54,38% kế hoạch

- Xây lắp : 5.348 triệu đồng, đạt 28,01% kế hoạch



- Thiết bị : 700 triệu đồng, đạt 48,61% kế hoạch
- Trả lãi vay tín dụng : 10.730 triệu đồng, đạt 104,22% kế hoạch

2. Đầu tư tài chính dài hạn ngoài doanh nghiệp :

Trong năm 2020, Công ty không góp vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp. Tổng vốn đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp hiện nay là **238.505** triệu đồng, trong đó:

- Công ty cổ phần cao su Lai Châu : 31.162.031.057 đồng
- Công ty CP Xây dựng - Cao su Đồng Nai : 2.492.600.000 đồng
- Góp vốn Công ty CP địa ốc MB : 600.000.000 đồng
- Công ty cổ phần cao su Bà Rịa - Kampong Thom : 95.000.000.000 đồng
- Công ty cổ phần cao su Việt Lào: 109.250.000.000 đồng

Công ty đã báo cáo và trình HĐQT Tập đoàn về việc thoái vốn các dự án đầu tư bên ngoài để giảm áp lực vay vốn ngân hàng và có nguồn đầu tư các dự án tại Công ty.

IV. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2020:

- Tổng tài sản **1.063.402.197.522** đồng, so với đầu năm tăng **0,45%**; trong đó : tài sản ngắn hạn **305.386.618.356** đồng (tỷ lệ **28,72%** so với tổng tài sản), tài sản dài hạn **758.015.579.166** đồng (tỷ lệ **71,28%** so với tổng tài sản);

- Tổng nguồn vốn **1.063.402.197.522** đồng, so với đầu năm tăng **0,45%**; trong đó: nợ phải trả **526.099.919.068** đồng (tỷ lệ **49,47%** so với tổng nguồn vốn), nguồn vốn chủ sở hữu **537.302.278.454** đồng (tỷ lệ **50,53%** so với tổng nguồn vốn).

Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2020 đạt **35.204** đồng/cổ phiếu, cao hơn năm trước **158** đồng/cổ phiếu.

V. Tiền lương và thù lao của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các phó TGD, Trưởng Ban KS chuyên trách:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	QUỸ TIỀN LƯƠNG, QUỸ THÙ LAO THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I.	NQL chuyên trách		1.357.560.000	
1	Võ Bảo	TGD	224.640.000	
2	Võ Thị Thủy	TGD	84.240.000	
3	Võ Văn Tuấn	TV. HĐQT	181.440.000	
4	Trần Minh Đợi	TB Kiểm soát	272.160.000	
5	Vũ Quang Khải	P.TGD	298.080.000	
6	Nguyễn Văn Quang	P.TGD	24.840.000	
7	Nguyễn Văn Quang	KTT	249.480.000	
8	Nguyễn Chơn Cường	KTT	22.680.000	
II.	Thù lao NQL không chuyên trách		175.200.000	

1	Trần Khắc Chung	CT. HĐQT	36.000.000
2	Võ Bảo	TV. HĐQT	24.000.000
3	Võ Thị Thủy	TV. HĐQT	10.000.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	TV. HĐQT	24.000.000
5	Nguyễn Cửu Tuệ	TV. HĐQT	24.000.000
6	Võ Văn Bình	TV. BKS	6.000.000
7	Lê Thị Kim Phương	TV. BKS	6.000.000
8	Hoàng Quốc Hưng	TV. BKS	8.400.000
9	Huỳnh Thị Ngọc Thu	TV. BKS	8.400.000
10	Bộ phận giúp việc		28.400.000
	Tổng cộng		1.532.760.000

VI. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh năm 2020:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu đạt **4,00%**; cao hơn năm trước **0,32%**;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đạt **0,84%**; cao hơn năm trước **0,11%**;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân **1,68%**; cao hơn năm trước **0,86%**;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) **297** đồng, cao hơn năm trước **41** đồng, tương ứng cao hơn **16,02%**.

VII. Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm có : Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Đơn vị kiểm toán độc lập như sau :

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./

Nơi nhận :

- HĐQT công ty;
- Cổ đông công ty;
- Lưu : VT, TCHC. *lvz*



Võ Thị Thủy

Số : 502/TT- HĐQTCSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v phân phối lợi nhuận năm 2020,
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.**

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Thực hiện Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Hoà Bình năm 2020,

Công ty trình phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau :

1. Phân phối lợi nhuận năm 2020

- Lợi nhuận trước thuế :	10.123 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:	8.970 triệu đồng
1.1 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,7 tháng lương):	8.220 triệu đồng
1.2 Quỹ thưởng Người quản lý (1,0 tháng lương):	113 triệu đồng
1.3 Lợi nhuận còn lại bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển :	637 triệu đồng

Ghi chú : Quỹ KTPL và tiền thưởng người quản lý theo hướng dẫn của Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

2. Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2021

- 2.1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi : Tối đa bằng 3 tháng lương người lao động
- 2.2. Quỹ thưởng Người quản lý : Tối đa bằng 1,5 tháng lương Người quản lý
- 2.3. Quỹ đầu tư phát triển : Lợi nhuận còn lại

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Lưu : VT, TCHC. *lz*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Khắc Chung

Số : 503/TT- HĐQTCSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thù lao HĐQT - BKS năm 2020,
Kế hoạch thù lao HĐQT - BKS năm 2021.**

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Thực hiện Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Hoà Bình năm 2020,

Công ty trình chi trả thù lao HĐQT – KSV, tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2020; kế hoạch chi trả thù lao HĐQT – KSV, tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2021 như sau :

1. Thù lao HĐQT – KSV, tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2020 :

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã chi trả như sau :

- | | |
|---|------------------|
| - Tiền thù lao HĐQT - KSV năm 2020 (12 tháng): | 175.200.000 đồng |
| - Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách:
(bằng tiền lương Kế toán trưởng) | 272.160.000 đồng |

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT- KSV và tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2021 :

- Tổng cộng tiền thù lao HĐQT - KSV năm (12 tháng): 175.200.000 đồng

Mức chi tiền thù lao cho từng thành viên, đề nghị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

- Quỹ tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2021 tương đương tiền lương Kế toán trưởng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Lưu : VT, TCHC. *lv*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Khắc Chung

Số : 504/TTtr-HĐQTCSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cao su Hòa Bình,

Hiện nay, Công ty đang thực hiện các dự án Hợp tác đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có một số cây trồng, ngành nghề không có trong ngành nghề kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty cần đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh để phù hợp theo quy định. HĐQT công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
2	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
3	Trồng cây hồ tiêu	0124
4	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5	Trồng cây lâu năm khác	0129
6	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
7	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
9	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11	Bán buôn rau quả	4632
12	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
13	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Lưu : VT, TCHC. *ke*



Trần Khắc Chung

Số : 5.0.5./TTr-HĐQTCSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty,
Quy chế nội bộ về quản trị công ty,
Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ công văn số 75/SGDHCM-NY ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc những điểm mới cần lưu ý về quản trị công ty;

HĐQT Công ty cổ phần cao su Hòa Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty như sau :

I. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính (Phụ lục 1 – Ban hành kèm theo Thông tư 116/2020).

Một số nội dung thay đổi, bổ sung chủ yếu như sau :

1. Bổ sung Ngành nghề kinh doanh
2. Điều chỉnh lại Mục tiêu của Công ty
3. Bổ sung thêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty (từ 01 người lên 02 người).
4. Bổ sung quy định : Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS phải thông qua Đại hội đồng cổ đông.
5. Một số từ, câu, bố cục chỉnh lại theo Điều lệ mẫu.


II. Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty được điều chỉnh, bổ sung theo Quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính (Phụ lục 2, 3 và 4)

Một số nội dung thay đổi, bổ sung chủ yếu như sau : (đính kèm Bản tóm tắt nội dung chủ yếu điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty)

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Hoà Bình năm 2021.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Lưu : VT, TCHC. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Khắc Chung



**TÓM TẮT NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG: ĐIỀU LỆ CÔNG TY,
QUY CHẾ NỘI BỘ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS**

(kèm theo Tờ trình số 505 /TTr-HĐQTCSHB ngày 21/6/2021)

Các căn cứ để sửa đổi Điều lệ, Quy chế:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ hướng dẫn Luật chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ
- Căn cứ công văn số 75/SGDHCM-NY ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc những điểm mới cần lưu ý về quản trị công ty;

I. ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều chỉnh, bổ sung theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.

Điều lệ cũ hiện hành	Điều lệ mới điều chỉnh, bổ sung
Điều 1: Giải thích thuật ngữ Không quy định	Điều 1: Giải thích thuật ngữ Bổ sung khái niệm: <ul style="list-style-type: none">- <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.- <i>Người có quan hệ gia đình</i> là cá nhân có quan hệ được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.- <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần- <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Khoản 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật : Tổng Giám đốc công ty.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Khoản 1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm : <ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.- Tổng Giám đốc công ty.

<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Khoản 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: (13 mã ngành)</p> <p>Khoản 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: trồng và khai thác mù cao su, nhằm huy động nguồn vốn tự có của các cổ đông, tập hợp đội ngũ những người lao động bỏ vốn kinh doanh góp phần ích nước, lợi dân, làm giàu chính đáng cho các cổ đông, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước.</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Khoản 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: (26 mã ngành)</p> <p>Khoản 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là : Huy động và sử dụng nguồn lực để tổ chức sản xuất kinh doanh thu lợi nhuận hợp pháp, bảo toàn và phát triển vốn, làm tăng giá trị cổ phần của cổ đông; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tham gia các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của địa phương.</p>
<p>Điều 5: phạm vi KD và hoạt động của Công ty</p> <p>Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Khoản 2 quy định: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5: phạm vi KD và hoạt động của Công ty</p> <p>Điều chỉnh Khoản 1: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p> <p>Bỏ khoản 2</p>
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 1: Không quy định</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 1: Quy định bổ sung thêm</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>- Khoản 2: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền.</p> <p>- Khoản 2: không quy định.</p>	<p>- Khoản 2: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>- Khoản 2: Bổ sung thêm điểm d.</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>
<p>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>- Không quy định</p> <p>- Không quy định</p>	<p>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Quy định thêm:</p> <p>- Khoản 2: không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p> <p>- Khoản 5: Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật.</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Khoản 1 quy định: Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn ĐHĐCĐ.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Khoản 1 quy định: HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết.</p>
<p>Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>- Không quy định</p> <p>- Báo cáo của HĐQT</p> <p>- Báo cáo của Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>- Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT.</p> <p>- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>
<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội</p> <p>- Khoản 2 quy định danh sách CĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp.</p> <p>- Khoản 3 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội</p> <p>- Khoản 2 quy định danh sách CĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp</p> <p>- Khoản 3 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.</p>
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành ĐH</p> <p>Khoản 1: cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành ĐH</p> <p>Khoản 1: cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số</p>

<p>nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>phiếu biểu quyết.</p>
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 12. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 10. điều chỉnh thay thế khoản 12 điều lệ cũ: Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ Công ty quy định cụ thể hình thức điện tử) theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
<p>Điều 21. Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nội dung:</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của HĐQT liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo</p>	<p>Điều 21. Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nội dung:</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có <u>từ 65%</u> trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp HĐQT.</p>	
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Khoản 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>Khoản 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Khoản 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>Khoản 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp HĐQT</p> <p>Khoản 1.</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Điều 23. <i>Nghị quyết</i>, Biên bản họp HĐQT</p> <p>Khoản 1 quy định bổ sung:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</i></p>
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người.</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định</p>

<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Khoản 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>tối thiểu là 03 (ba) thành viên và không quá bảy (07) thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Khoản 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.</p>
<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.</p>
<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Khoản 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>(Không quy định nhiệm kỳ):</p> <p>Khoản 1: HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>Không quy định.</p>	<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>Khoản 4 quy định bổ sung: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên</p>
<p>Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>Không quy định điều riêng về Trưởng Ban kiểm soát và quy định về trình độ chuyên môn ở các văn bản khác.</p>	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>
<p>Không quy định</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>(Bổ sung riêng về cuộc họp của BKS)</p>

	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>
Không quy định Điều riêng về: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>(Bổ sung 1 Điều riêng)</p> <p>Nội dung Điều này không thay đổi so với Điều 38 (Ban Kiểm soát) Điều lệ cũ.</p>

II. QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Một số nội dung Quy chế chưa thể hiện thì áp dụng Điều lệ và các văn bản quy định khác.

Các nội dung đã điều chỉnh bổ sung trong Điều lệ thì Quy chế cũng điều chỉnh bổ sung theo.

Điều chỉnh, bổ sung theo Quy chế mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Quy chế cũ hiện hành	Quy chế mới điều chỉnh, bổ sung
Chương II: Quy định về cổ đông và việc thực hiện quyền của cổ đông	Bỏ nội dung này do Quy chế mẫu không quy định, trong Điều lệ của Công ty cũng đã nêu.
Chương III: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>Chương II: Đại hội cổ đông</p> <p>Quy định chi tiết hơn Quy chế cũ về Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; quy định thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, biểu quyết trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp.</p>
<p>Chương IV: Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Chương V: Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Chương III: Hội đồng quản trị.</p> <p>Bổ sung Điều 8: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị);</p> <p>Bổ sung Điều 10: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Điều 11: Quy định rõ hơn về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.</p>

	Điều 13: Quy định rõ hơn về việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
Không quy định riêng mà nêu trong Chương VII: Quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.	Chương IV: Ban Kiểm soát: Quy định rõ về Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát; Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát;
Chương VI: Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.	Chương V: Tổng Giám đốc. Trong chương này chỉ quy định về việc: Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc. Các chức vụ quản lý khác không quy định. Các nội dung khác như: trình tự, thủ tục bổ nhiệm, tiêu chuẩn, ký hợp đồng,... trong Quy chế cũ có quy định, trong Quy chế mới đề nghị không nêu mà sẽ được Hội đồng quản trị quy định riêng tùy tình hình thực tế.
Chương VII: Quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Chương VIII: Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên Công ty.	Chương VI: Các nội dung khác. Một số nội dung khác không cần thiết trong Quy chế cũ, Quy chế mới không nêu mà được quy định trong Điều lệ Công ty hoặc tùy tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quy định riêng.
Chương IX: Quy định về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Quy định tại Điều 12: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Chương III: Hội đồng quản trị.
Chương X: Báo cáo và công bố thông tin	Không quy định, thực hiện theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Chương XI: Chế độ giám sát và xử lý vi phạm	Không quy định
Chương XII: Điều khoản thi hành	Chương VII: Điều khoản thi hành

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Theo quy định trước đây, Đại hội đồng cổ đông chỉ thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị về nội bộ công ty. Theo Luật Doanh nghiệp 59/2020 và các văn bản hướng dẫn thì Đại hội đồng cổ đông còn phải thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát dựa theo Quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính và theo Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Quy chế hoạt động của HĐQT gồm 7, Chương 23 Điều. Quy chế quy định về phạm vi và đối tượng áp dụng; tiêu chuẩn, số lượng, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT, ...; cuộc họp của HĐQT, lợi ích và công khai lợi ích của HĐQT; mối quan hệ của HĐQT với Ban điều hành, Ban Kiểm soát,

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát gồm 7 Chương, 22 Điều. Nội dung Quy chế Ban Kiểm soát tương tự như Quy chế hoạt động của HĐQT.



Số : 506/TT- HĐQTCSHB

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 21 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung
TV Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ công văn số 75/SGDHCM-NY ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc những điểm mới cần lưu ý về quản trị công ty;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty nhiệm kỳ 2017-2022 như sau :

I. Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022

Đề nghị Đại hội xem xét miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cao su Hoà Bình đối với các Thành viên sau đây theo Đơn xin từ nhiệm:

1. Ông Võ Bảo
2. Ông Nguyễn Cửu Tuệ.

II. Về việc đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022

Hội đồng quản trị trình Đại hội xem xét chấp thuận đề cử ứng viên: **Bùi Phước Tiên** đã nộp hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ để bầu vào Thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2017-2022.

(Ghi chú : Sơ yếu lý lịch cá nhân đã được thông tin trên website Công ty tại địa chỉ : <http://www.horuco.com.vn>).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Lưu : VT, TCHC. *la*



Trần Khắc Chung



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH
HÒA BÌNH SỐ 08 / TTr-BKSCSHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội khóa 12, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/3/2011 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2012;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính, về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, nhằm kiểm toán BCTC bán niên và BCTC kết thúc năm tài chính 2021 với nội dung cụ thể như sau:

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng trong năm 2021;
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực trình độ và tính chuyên nghiệp cao, tích lũy nhiều kinh nghiệm kiểm toán BCTC theo quy định pháp luật hiện hành;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC (việc kiểm toán phải thực hiện độc lập với tư vấn);
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ công ty yêu cầu;

2. Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn một trong ba đơn vị Kiểm toán chuyên nghiệp sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

3. Bằng phương thức báo giá cạnh tranh, Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc thương thảo, ký kết hợp đồng thực hiện.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Minh Đợi

CÔNG TY CP CAO SU HOÀ BÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

I. PHẦN THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

1. Họ và tên (đối với cổ đông là cá nhân):		
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	ngày cấp	nơi cấp
2. Họ và tên người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (nếu có):		
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	ngày cấp	nơi cấp
3. Tên tổ chức (đối với cổ đông là tổ chức):		
Số GCNĐKDN:	ngày cấp	nơi cấp
4. Họ và tên người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức:		
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	ngày cấp	nơi cấp
Số lượng CP có quyền biểu quyết:		
(bằng chữ:		cổ phần)

II. PHẦN BIỂU QUYẾT

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.			
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.			
3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020.			
4. Thông qua kết quả SXKD năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2021.			
5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.			
6. Tờ trình chi trả thù lao HĐQT - BKS, tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2020, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT - BKS, tiền lương Trưởng BKS chuyên trách năm 2021.			
7. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.			
8. Phê duyệt Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS.			
9. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc chọn công ty kiểm toán năm 2021			
10. Quyết định miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ 2017-2022.			

Ghi chú :

- Cổ đông đánh dấu x hoặc dấu √ vào ô tương ứng với ý kiến của mình
- Cổ đông có thể gửi phiếu biểu quyết này bằng hình thức fax: 02543. 873495, email: horuco@horuco.com.vn hoặc gửi thư về Công ty trước khi Đại hội được tiến hành

Cổ đông ký và ghi rõ họ tên

(DỰ THẢO)

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều 19, 20, 21- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPCS Hòa Bình;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình tổ chức vào ngày /..... /2021,

QUYẾT NGHỊ :

1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.
2. Nhất trí thông qua Báo cáo năm 2020 của Ban Kiểm soát công ty.
3. Nhất trí thông qua kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

3.1 Chỉ tiêu khối lượng :

3.1.1 Diện tích

- Diện tích cao su:	4.960,79 ha
+ Diện tích cao su KTCB :	2.179,36 ha
+ Diện tích cao su khai thác:	2.507,18 ha
+ Diện tích tái canh:	274,26 ha
- Diện tích chuyển đổi cây trồng khác:	106,87 ha

3.1.2 Năng suất :

1,0 tấn/ha

3.1.3 Sản lượng cao su:

4.000 tấn

- Cao su tự khai thác:

2.500 tấn

- Cao su thu mua:

1.500 tấn

3.1.4 Chế biến:

5.100 tấn

- Chế biến cao su tự khai thác

2.100 tấn

- Chế biến cao su thu mua

1.500 tấn

- Gia công

1.500 tấn

3.1.5 Tiêu thụ:

4.000 tấn

- Xuất khẩu :

500 tấn

- Nội tiêu :

3.500 tấn

3.2 Chỉ tiêu giá trị :

3.2.1 Tổng doanh thu:	174.792 triệu đồng
- Sản xuất kinh doanh cao su:	148.000 triệu đồng
+ Doanh thu cao su tự khai thác:	92.500 triệu đồng
+ Doanh thu cao su thu mua:	55.500 triệu đồng
- Sản xuất kinh doanh khác (gia công, ...):	4.884 triệu đồng
- Hoạt động tài chính:	20.382 triệu đồng
- Hoạt động khác :	1.526 triệu đồng
3.2.2 Lợi nhuận trước thuế:	1.000 triệu đồng
3.2.3 Lợi nhuận sau thuế:	1.000 triệu đồng
3.2.4 Nộp ngân sách :	11.143 triệu đồng

3.3. Chỉ tiêu đầu tư:

3.3.1 Tổng nhu cầu vốn :	75.195 triệu đồng
- Vốn đầu tư XDCB:	35.951 triệu đồng
+ Xây lắp:	11.086 triệu đồng
<i>Trong đó: xây lắp nông nghiệp :</i>	<i>10.946 triệu đồng</i>
+ Thiết bị:	2.365 triệu đồng
+ KTCB khác:	14.000 triệu đồng
+ Trả lãi vay XDCB:	8.500 triệu đồng
- Trả nợ gốc vay dài hạn ngân hàng :	39.244 triệu đồng
3.3.2 Nguồn vốn:	75.195 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	49.961 triệu đồng
- Vốn vay :	25.234 triệu đồng

4. Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, trong đó có các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

- Tổng tài sản :	1.063.402.197.522 đồng
- Tổng nguồn vốn :	1.063.402.197.522 đồng
- Tổng doanh thu :	223.797.374.764 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế :	10.122.779.296 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế :	8.970.131.667 đồng

5. Thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau :

5.1 Phân phối lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế :	8.970 triệu đồng
------------------------	------------------

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,7 tháng lương): 8.220 triệu đồng
- Quỹ thưởng người quản lý (1,0 tháng lương): 113 triệu đồng
- Quỹ Đầu tư phát triển: 637 triệu đồng

5.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi : Tối đa bằng 3 tháng lương người lao động.
- Quỹ thưởng Người quản lý : Tối đa bằng 1,5 tháng lương Người quản lý.
- Quỹ đầu tư phát triển : Lợi nhuận còn lại

6. Thống nhất chi trả thù lao của HĐQT-KSV và tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2020; Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT-KSV và tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2021 như sau :

6.1 Thông qua mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2020 là **175.200.000** đồng, quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách là **272.160.000** đồng (bằng tiền lương Kế toán trưởng).

6.2. Thống nhất kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị - Kiểm soát viên năm 2021 là **175.200.000** đồng; uỷ quyền Chủ tịch HĐQT quyết định mức chi tiền thù lao từng thành viên HĐQT-BKS; tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách chi trả bằng tiền lương Kế toán trưởng Công ty.

7. Thống nhất uỷ quyền HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán sau đây thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021:

- Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

8. Đại hội thống nhất điều chỉnh, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty để phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

9. Đại hội thống nhất miễn nhiệm và đề cử bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

9.1 Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị công ty đối với 02 thành viên sau :

- Ông Võ Bảo
- Ông Nguyễn Cửu Tuệ.

9.2 Thống nhất đề cử bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị công ty các ông, bà sau :

-
-

10. Kết quả trúng cử bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

- (..... CP/..... CP, tỷ lệ%)
- (..... CP/..... CP, tỷ lệ %)

11. Hội đồng quản trị công ty, Tổng Giám đốc công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và thông báo cho cổ đông biết Nghị quyết Đại hội này./.

Nơi nhận :

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- TTLK CN.TP HCM;
- Sở KH&ĐT tỉnh BRVT
- Tập đoàn CNCsvn;
- HĐQT - BKS Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Công ty;
- Lưu : VT, TCHC.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

**QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ - ỨNG CỬ - BẦU CỬ BỔ SUNG HĐQT
NHIỆM KỲ 2017 – 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Việc bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2017 – 2022 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 được quy định như sau :

I. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử.
- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử TV HĐQT.
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

II. Quy định đề cử, ứng cử TV Hội Đồng Quản Trị:

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT : 02 người.
- Nhiệm kỳ: 2017 - 2022
- Số lượng ứng cử viên : Không hạn chế theo quy định tại Điều lệ Công ty

1. Quyền đề cử, ứng cử :

- Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 25 - Điều lệ Công ty
Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết từ 5% trở lên để đề cử các ứng viên HĐQT.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HĐQT:

Ứng cử viên tham gia HĐQT công ty phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty.

III. Cách thức bầu cử:

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT sẽ do Ban tổ chức đại hội phát cho các cổ đông đến tham dự tại Đại hội.
- Cổ đông không thực hiện bằng cách gạch tên mà bằng cách **ghi rõ số phiếu bầu** của mình vào cột tương ứng trên Phiếu bầu cử.

Phiếu bầu hợp lệ:

- Là phiếu bầu do Ban tổ chức đại hội phát ra, có mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu (đồng thời có ghi tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên).

- Tổng số phiếu bầu cho ứng viên tín nhiệm bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết.

Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, ghi thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Tổng số phiếu bầu cho ứng viên tín nhiệm lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết.

- Việc kiểm phiếu:

+ Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (thành viên Ban kiểm soát).

+ Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

IV. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu của ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến đủ số lượng cần bầu và phải đạt trên 50% số phiếu bầu/tổng số phiếu bầu tham gia bầu cử.

V. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT bao gồm :

- Đơn ứng cử thành viên HĐQT

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền.

- Giấy đề cử (nếu tổ chức, nhóm cổ đông đề cử ứng viên)

- Giấy xác nhận của Công ty chứng khoán là cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần công ty (nếu tổ chức, nhóm cổ đông đề cử ứng viên).

- *Bản sao (có công chứng, chứng thực) các giấy tờ sau :*

+ Giấy CMND/CCCD (hoặc hộ chiếu nếu là Việt kiều hoặc người nước ngoài).

+ Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

- Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử xin gửi về địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH

Áp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tel : (0254) 3872104 - fax : (0254)3873.495

E-mail : horuco@horuco.com.vn

Người liên hệ: Bành Mạnh Đức (0913.668.652)

- Thời hạn gửi hồ sơ đề cử, ứng cử: trước 03 (ba) ngày tổ chức Đại hội.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021
BAN TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Áp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Tel: (02543) 872104 - Fax: (02543) 873495

E-mail: horuco@horuco.com.vn - Website: <http://www.horuco.com.vn>

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần cao su Hòa Bình

Tôi tên :

Là cổ đông (đại diện hợp pháp của:...../đại diện theo uỷ quyền của nhóm cổ đông) hiện đang sở hữu (nắm giữ):..... cổ phiếu HRC của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình, chiếm tỷ lệ:.....% trên tổng số 30.206.622 cổ phiếu (HRC) của Công ty đã phát hành và đang lưu hành trên thị trường.

Sau khi xem xét, đối chiếu các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử bầu vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Hòa Bình nhiệm kỳ 2017-2022.

Hồ sơ đính kèm đơn ứng cử này gồm:

1. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền

2. Bản sao có công chứng :

- Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu nếu là Việt Kiều hoặc người nước ngoài),

- Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn)

- Bằng cấp, chứng chỉ về trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn,

3. Giấy uỷ quyền (nếu ứng cử viên do nhóm cổ đông đề cử)

4. Giấy xác nhận của Công ty chứng khoán là cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần HRC trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng.

Tôi xin cam kết các văn bản trong hồ sơ ứng cử này là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của hồ sơ này.

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

Trân trọng kính chào!

....., ngàytháng năm 2021

ỨNG CỬ VIÊN

(ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH

Áp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Tel: (02543) 872104 - Fax: (02543) 873495

E-mail: horuco@horuco.com.vn - Website: <http://www.horuco.com.vn>

**PHIẾU ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ tên người được đề cử bầu bổ sung vào HĐQT :

Ngày tháng năm sinh:Giới tính:

CMND:Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Danh sách cổ đông đề cử:

Stt	Họ và tên	Số cổ phần	Ký tên
1			
2			
3			
4			
5			
	Tổng cộng số cổ phần		

....., ngàythángnăm 2021

Người nhận đề cử

Ghi chú:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông vui lòng gửi phiếu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT về: Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty CP cao su Hòa Bình, Áp 7, Hòa Bình, Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu trước **ngày 21/6/2021**.

- Vui lòng tham khảo điều kiện và tiêu chuẩn đề cử ứng viên thành viên HĐQT trong “Quy định đề cử ứng viên thành viên TV HĐQT” đính kèm hoặc trên website của Công ty.

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CAO SU HOÀ BÌNH
NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Ngày sinh : ... tháng ... năm
3. Giới tính (nam, nữ):
4. Quốc tịch :
5. Số CMND hoặc CCCD:
 Ngày cấp : Nội cấp :
6. Hộ khẩu thường trú:
7. Nơi ở hiện nay:
8. Trình độ học vấn :
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình công tác :
-
-
-

Chức vụ hiện nay :

Tôi xin cam đoan những lời khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngày..... tháng năm 2021

NGƯỜI KHAI
(ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH
HOA BINH RUBBER JOINT STOCK COMPANY**

Áp 7, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Tel: 0254.3872104 - Fax: 0254.3873495

E-mail: horuco@horuco.com.vn - Website: <http://www.horuco.com.vn>



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH
(Dự thảo)



Bà Rịa- Vũng Tàu, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua *Nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. *Nghị quyết*, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ *Nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, *thưởng* và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiền ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành *Công ty*

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử *Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)*

Điều 37. *Thành phần Ban Kiểm soát*

Điều 38. *Trưởng Ban Kiểm soát*

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền *tra cứu* sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, *bán niên* và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. *Dấu của Doanh nghiệp*

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. *Giải thể công ty*

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo *Nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-CSHB ngày 24 tháng 6 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. *Luật chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

g) *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty;

h) *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

k) *Người có quan hệ gia đình* là cá nhân có quan hệ được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở Giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HOA BINH RUBBER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : **HORUCO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính : ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Điện thoại: 0254.3872104 – 0254.3873482;
- Fax: 0254.3873495;
- E-mail: horuco@horuco.com.vn;
- Website: <http://www.horuco.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 *Điều 54* hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm :

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.
2. Tổng Giám đốc công ty.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật :
 - a. Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị công ty về việc bản thân và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - đ. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ nêu trên.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125 (chính)
2	Khai thác gỗ Chi tiết : Khai thác gỗ cao su	0220
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Bán buôn cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên)	4669
4	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết : Sơ chế mủ cao su	0163
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn gỗ cây cao su và gỗ cao su chế biến	4663
6	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, Khu dân cư, Khu thương mại, kinh doanh bất động sản.	6810
9	Trồng rau, đậu các loại Chi tiết : Trồng rau các loại, trồng đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh	0118
10	Trồng cây ăn quả Chi tiết : Trồng nho, trồng xoài, cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới; Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác; Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo; Trồng nhãn, vải, chôm chôm; Trồng cây ăn quả khác.	0121
11	Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết : Trồng cây gia vị hàng năm; Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm; Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
12	Trồng cây điều	0123
13	Trồng rừng, chăm sóc và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết : Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
14	<i>Trồng cây có hạt chứa dầu</i>	<i>0117</i>
15	<i>Trồng cây lấy quả chứa dầu</i>	<i>0122</i>
16	<i>Trồng cây hồ tiêu</i>	<i>0124</i>
17	<i>Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm</i>	<i>0128</i>

18	<i>Trồng cây lâu năm khác</i>	0129
19	<i>Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp</i>	0130
20	<i>Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm</i>	0131
21	<i>Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm</i>	0132
22	<i>Hoạt động dịch vụ trồng trọt</i>	0161
23	<i>Chế biến và bảo quản rau quả</i>	1030
24	<i>Bán buôn rau quả</i>	4632
25	<i>Khai thác lâm sản khác trừ gỗ</i>	0231
26	<i>Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp</i>	0240

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là : Huy động và sử dụng nguồn lực để tổ chức sản xuất kinh doanh thu lợi nhuận hợp pháp, bảo toàn và phát triển vốn, làm tăng giá trị cổ phần của cổ đông; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tham gia các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là **302.066.220.000** đồng (Bằng chữ : Ba trăm lẻ hai tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **30.206.622** cổ phần (Ba mươi triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm hai mươi hai cổ phần), với mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần;

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. *Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.*

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây :

- a) Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại *khoản 3 Điều 112* Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. *Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.*

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại *Điều 132* Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các

quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại *Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp*;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ.
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại *Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này*; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại *khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp*;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm, dài hạn của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, *Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát*;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự

hợp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên* 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ

và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các nội dung tại điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp (nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất **10** ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. *Nghị quyết*, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan *kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán* và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được *nghị quyết* hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này;

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **10** ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội

đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) thành viên và không quá bảy (07) thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty .

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty; trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. **Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.**
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. *Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.*
3. *Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:*
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Công ty;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này, không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại *Khoản 5 Điều 156* Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và *Điều lệ công ty*.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và *Điều lệ công ty*.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. *Thành viên Ban Kiểm soát* bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) *Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục*, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của *thành viên Ban kiểm soát* theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách

thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ngày 22 tháng 4 năm 2004) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2004.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cao su Hoà Bình nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Văn phòng công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- h. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
 - i. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - j. “Luật doanh nghiệp”: Luật số 59/2020/QH14;
 - k. “Luật chứng khoán”: Luật số 54/2019/QH14.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng

văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1.2 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1.3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 1.2 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn của trang tin điện tử (website Công ty) đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

6.1. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

6.2. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội.

8. Điều kiện tiến hành;

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

8.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

8.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu:

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và các nội dung cần biểu quyết ở mặt sau kèm các ô: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” để đánh dấu và ký tên, ghi rõ họ tên cổ đông hoặc người được ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đưa thẻ biểu quyết: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” khi chủ tọa xin ý kiến biểu quyết từng nội dung cần thông qua của đại hội.

10.2. Trong tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ có 01 phiếu biểu quyết các vấn đề trong Đại hội. Phiếu biểu quyết bao gồm các nội dung: họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, và các nội dung cần biểu quyết kèm các ô: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” để đánh dấu và ký tên, ghi rõ họ tên cổ đông hoặc người được ủy quyền. Cổ đông có thể đánh dấu x vào các ô: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” của từng vấn đề, ký và ghi rõ họ tên và gửi phiếu biểu quyết về Công ty trước ngày khai mạc Đại hội theo thông báo để Ban kiểm phiếu Đại hội tổng hợp.

Sau khi biểu quyết, phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu thu lại, kể cả những phiếu được gửi trước theo quy định tại khoản 10.2 Điều này để tổng hợp báo cáo trình Đại hội và lưu hồ sơ.

11. Cách thức kiểm phiếu;

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành tổng hợp các phiếu biểu quyết và thông qua số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” của từng nội dung đã được chủ tọa xin ý kiến của Đại hội.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

12.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ thông báo trước Đại hội số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” của từng nội dung biểu quyết.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

15.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

2.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 b) Mục đích lấy ý kiến;
 c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Cách thức, thời gian truy cập để tham gia cuộc họp; tài liệu hướng dẫn/quy định tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo khoản 7 Điều 4 Quy chế này.

2.1. Ngay khi nhận được thông báo xác nhận tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp tài khoản truy cập cho người đăng ký bằng cách gửi thư điện tử, fax, tin nhắn hoặc bằng hình thức khác tùy theo thông tin người đăng ký tham dự cung cấp.

2.2. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty. Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

2.3. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cổ đông trực tuyến theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Quy chế này. Ngay khi nhận được thông báo ủy quyền tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp tài khoản truy cập cho người được ủy quyền bằng cách gửi thư điện tử, fax, tin nhắn hoặc bằng hình thức khác tùy theo thông tin người đăng ký tham dự cung cấp.

4. Điều kiện tiến hành:

4.1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

4.2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

b) Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua bằng hình thức thống kê các phiếu biểu quyết trực tuyến. Điều kiện để nghị quyết được thông qua thực hiện theo Khoản 12, điều 4 Quy chế này.

Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

6. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Lựa chọn cách thức tham dự đại hội: trực tiếp hay trực tuyến; Thời gian tiến hành và thời gian truy cập để tham gia cuộc họp; tài liệu hướng dẫn/quy định tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 7 Điều 4 Quy chế này.

Trường hợp cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

Trường hợp cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành:

Số cổ đông có mặt tại Đại hội bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua bằng hình thức thống kê các phiếu biểu quyết trực tuyến và các phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự trực tiếp. Điều kiện để nghị quyết được thông qua thực hiện theo Khoản 12, điều 4 Quy chế này.

Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

6. Cách thức bỏ phiếu:

Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

7. Cách thức kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử và các phiếu biểu quyết trực tiếp để tổng hợp kết quả biểu quyết.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay cho các cổ đông tham dự trực tiếp và trực tuyến được biết trước khi kết thúc Đại hội.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

4. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người.

b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần 3 (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành / độc lập được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

a.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

a.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

b. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

b.1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

b.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

b.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

b.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm b, mục 2.2 khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ

sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

4.1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

4.2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

4.3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4.4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

4.5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.6. Ứng viên trúng cử Hội đồng Quản trị: căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

4.7. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

4.8. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại mục a và b điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

7.1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.

- Từ 10% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.

- Từ 30% đến dưới 40% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

- Từ 40% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 04 ứng cử viên.

- Từ 50% đến dưới 60% thì được đề cử tối đa 05 ứng cử viên hoặc được đề cử đủ số ứng cử viên với trường hợp Điều lệ Công ty quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

- Từ 60% đến dưới 70% thì được đề cử tối đa 06 ứng cử viên.

- Từ 70% trở lên thì được đề cử đủ số ứng cử viên.

7.2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b mục 7.1 khoản 7 Điều 9 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7.3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

7.4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

8.2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm:

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao

nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

1.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

2.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

2.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định):

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này, không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết:

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

6.2 Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

6.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

6.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6.5 Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

9.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

9.2 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

9.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục a.1 đến a.8, điểm a, khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Công ty có trách nhiệm thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được biết. Những trường hợp cần thiết phổ biến trong nội bộ công ty thì phải thông báo trên website phần nội bộ của công ty. Các nghị quyết quan trọng phải thực hiện công bố thông tin theo Điều 11, Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban:

1.1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị có vai trò giúp việc cho Hội đồng quản trị trong các vấn đề được giao phụ trách.

1.2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

2.1. Nhiệm kỳ của các tiểu ban được bắt đầu khi có Quyết định của Hội đồng quản trị cho tới khi hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

2.2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có ít nhất ba (03) người.

2.3. Tiêu chuẩn thành viên của các tiểu ban: có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ của từng tiểu ban được phụ trách.

2.4. Cơ cấu của các tiểu ban: thành viên các tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và 01 hoặc nhiều thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2.5. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào tiêu chuẩn thành viên của các tiểu ban, Hội đồng quản trị họp và thông qua Nghị quyết bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy nhu cầu và tùy từng thời điểm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần, nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của

Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

1.1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

1.2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

1.3. Thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

1.5. Cơ cấu Ban kiểm soát bao gồm 01 trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

- 2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
 - 2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - 2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - 2.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - 2.5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
- 3.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
 - 3.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:
- Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bằng hình thức bầu dồn phiếu, tương tự theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
- 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

7.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. quyền và nghĩa vụ:

2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

2.7. Tuyển dụng lao động;

2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

1.1. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định bổ nhiệm và Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc theo trình tự, thủ tục của pháp luật về lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định miễn nhiệm và Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc theo trình tự, thủ tục của pháp luật về lao động.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

6.1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

6.2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

6.3. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Trình tự, thủ tục họp giữa ba bên thực hiện tương tự trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 11 Quy chế này. Tuy nhiên, về thành phần dự họp có mời thêm đại diện Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (trường hợp Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị).

Các trường hợp Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc các trường hợp khác có đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thì Hội đồng phải triệu tập phải tổ chức cuộc họp trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Chương trình, nội dung, tài liệu họp do bên đề nghị tổ chức họp chuẩn bị.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc:

Thực hiện tương tự thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy chế này.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

4.1. Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 14 Quy chế này.

4.2. Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi:

- a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị trái với Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- b. Gặp phải các tình huống phải đưa ra quyết định điều hành vượt ngoài 26 thẩm quyền của Tổng giám đốc.
- c. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Thực hiện theo điểm khoản 7, Điều 6 Quy chế này.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Trước ngày 10/12 hàng năm, Tổng giám đốc phải có Báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị để phục vụ cho việc họp kiểm điểm và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn được giao do Hội đồng quản trị tổ chức họp.

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.

7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

7.1. Báo nhanh thường nhật, tuần:

Trước 19 h hàng ngày, Tổng giám đốc hoặc đại diện được ủy quyền phải tổng hợp báo nhanh về một số chỉ tiêu công tác trọng tâm của năm thông qua các nhóm làm việc được tạo trên Zalo, Viber, Skype...

7.2. Báo cáo tháng, quý:

a. Trước ngày năm (05) hàng tháng, ngày mười (10) hàng quý, Tổng giám đốc phải có báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty tương ứng kỳ báo cáo, kèm theo số liệu các chỉ tiêu kế hoạch công tác.

b. Báo cáo về tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được lồng ghép vào báo cáo tháng, quý.

7.3. Báo cáo sáu (06) tháng, chín (09) tháng:

Trước ngày mười (10) của kỳ báo cáo, Tổng giám đốc phải có báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty tương ứng kỳ báo cáo, kèm theo số liệu các chỉ tiêu kế hoạch công tác theo các Chương trình đã đề ra và những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

7.4. Báo cáo năm: Trước ngày mười lăm (15) của kỳ báo cáo, Tổng giám đốc phải có báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty tương ứng kỳ báo cáo, kèm theo số liệu các chỉ tiêu kế hoạch công tác theo các Chương trình đã đề ra và những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

7.5. Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và mẫu báo cáo thường niên: Thực hiện theo quy định hiện hành

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

8.1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

8.2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

8.3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày nội dung đó cần được quyết định.

8.4. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành khác.

8.5. Các nội dung khác cần xin ý kiến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

1. Tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành nhiệm vụ (giữ nguyên 100% lương).

- a. Có xây dựng và đăng ký chương trình hành động năm;
- b. Đảm bảo giờ làm việc;
- c. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty giao;
- d. Báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo yêu cầu của cấp trên;
- e. Có đăng ký và thực hiện có hiệu quả ít nhất một (01) phong trào, chương trình công tác năm do Công ty phát động;

2. Tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (kèm theo giấy khen của Công ty và tiền thưởng).

- a. Đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;
- b. Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao.

3. Tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (có giấy khen, thưởng và thưởng đột xuất của Công ty).

- a. Thái độ làm việc luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng vì mục tiêu chung của Công ty;

- b. Đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, Điều này;
 - c. Viết được ít nhất một (1) quy trình hoặc hướng dẫn hoặc quy chế làm việc do mình đang đảm nhiệm, bảo đảm người khác đọc và thực hiện được;
 - d. Có sáng kiến đem lại lợi ích cho Công ty.
4. Tiêu chuẩn không hoàn thành nhiệm vụ (chỉ được nhận tối đa 90% lương). Vi phạm một đến hai tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều này.
5. Tiêu chuẩn kỷ luật sa thải (vi phạm một trong những điểm dưới đây)
- a. Vi phạm từ 3 nội dung trở lên quy định tại khoản 1, Điều này;
 - b. Vi phạm hợp đồng lao động;
 - c. Thái độ làm việc thờ ơ, lười biếng, yêu sách, không tôn trọng cấp trên, làm những việc ảnh hưởng đến uy tín công ty, uy tín đồng nghiệp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực và Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại Hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế này.

Quy chế này bao gồm 20 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 biểu quyết nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Những vấn đề chưa nêu trong Quy chế này, hoặc khi thực hiện, có những nội dung chưa phù hợp với Điều lệ Công ty và Pháp luật thì thực hiện theo Điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQTCSHB ngày 24/6/2021)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cao su Hòa Bình được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 / 6 /2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-CSHB ngày 24 tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị công ty có từ 05 đến 07 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện

giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải

xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình bao gồm 7 chương, 24 điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 biểu quyết nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Những vấn đề chưa nêu trong Quy chế này, hoặc khi thực hiện, có những nội dung chưa phù hợp với Điều lệ Công ty và Pháp luật thì thực hiện theo Điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dự thảo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cao su Hòa Bình;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-CSHB ngày 24 tháng 6 năm 2021
Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cao su Hòa Bình;
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cao su Hòa Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty. *Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty; các thành viên Ban kiểm soát còn lại có thể là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm*, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; không phải là người quản lý Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ

đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng

quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà

các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện,.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cao su Hòa Bình bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2021./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN